

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **52/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 15/8/2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Khuyên**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Hồ Viết Ân**

2. Ông **Phạm Văn Thành**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 311/2024/TLST- HNGĐ ngày 15/7/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/8/2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

HKTT: **ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

Nơi chấp hành án: Phân trại số 5, **trại giam T – Cục A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị **Nguyễn Thị K** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Văn H** trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian 02 tháng thì tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai** vào ngày 01/4/2019. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn thì cuộc sống chung của anh chị đã không có hạnh phúc từ những ngày đầu, trong quá trình chung sống chị và anh **H** thường xuyên sống ly thân nhau, có những lần sống ly thân nhau 06 tháng. Chị và anh **H** cũng hàn gắn, hòa giải nhiều lần để vợ chồng về chung sống cùng nhau, nhưng cuộc sống chung vẫn không có hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị **K** trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, anh **H** thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu,

không tu trí làm ăn, không biết quan tâm, chăm sóc cho gia đình, đánh đập chị nhiều lần. Từ ngày 16/6/2023 anh **H** vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xử phạt 02 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 5, trại giam **T – Cục A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận**. Trong thời gian anh **H** chấp hành án chị vẫn đi thăm nuôi, động viên nhưng vì tình nghĩa chứ chị không còn tình cảm vợ chồng với a **H**. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh **H**.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là **Nguyễn Gia H1**, sinh ngày 29/8/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu **H1**, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị **K** về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên theo anh trình bày thì đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh, còn chị **K** là hôn nhân lần thứ hai. Anh không đồng ý với những nguyên nhân mâu thuẫn như chị **K** đã trình bày, theo anh trong quá trình chung sống giữa anh và chị **K** không xảy ra mâu thuẫn gì, anh vẫn đi làm và đưa tiền về cho chị **K** chăm lo cho gia đình, anh và chị **K** không sống ly thân nhau, cũng không tụ tập bạn bè ăn chơi. Nay chị **K** yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Do anh đang chấp hành án nên khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị **K** nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, khi anh chấp hành án xong anh có mong muốn chị **K** phải cho anh thăm gặp con chung và mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con vì hiện tại cháu đang bị bệnh thiếu máu bẩm sinh nên thường xuyên phải đi bệnh viện để truyền máu và chị **K** đã có một người con riêng nên sẽ không đảm bảo việc chăm sóc con chung của anh chị.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

- Về nội dung: áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **K** và anh **H** ly hôn; về con chung: giao cháu **Nguyễn Gia H1** cho chị **K** trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh **H**; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị **Nguyễn Thị K** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **Nguyễn Văn H**, xin nuôi dưỡng con

chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại: ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị K và bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn H đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 01/4/2019 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62/2019 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K nhận thấy:

Theo trình bày của chị K thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không tu trí làm ăn, không biết quan tâm, chăm sóc cho gia đình, đánh đập chị nhiều lần. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Tuy anh H không đồng ý những nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị K đã trình bày, nhưng anh đồng ý ly hôn với chị K. Xét thấy, hiện tại anh H đang chấp hành án tại trại giam T, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh H.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 29/8/2019, anh H đồng ý giao cháu H1 cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H1 theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nên chấp nhận giao cháu H1 cho chị K sẽ là người tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị K không yêu cầu nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không giải quyết.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc áp giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kiều**

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị **Nguyễn Thị K** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn H**.

- Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Gia H1**, sinh ngày 29/8/2019 cho chị **Nguyễn Thị K** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **H**.

Anh **H** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết chị **K** và anh **H** được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị **Nguyễn Thị K** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị **K** đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0012336 ngày 15/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị **K** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Xuân Tây;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Khuyên**

